

VẤN ĐỀ THÁNH NHÂN TRÊN CÁC PHẠM XỨ

Trong bộ *Manorathapūraṇī* (3/203) có ghi rằng: "*Suddhavāsā vivatṭapakhe tithā na sabba-kālikā, kappasatasahassampi asaṅkheyyampi buddhasuññe loke na uppajjanti, soḷasakappasahassa abbantare buddhesu uppannesuyeva uppajjanti, dhammacakkapavattissa bhagavato khandhāvārasadisā honti, tasmā neva viññāṇatṭhitiṃ na sattavāsam bhajanti*"

Qua đoạn trên chúng ta thấy rằng không phải lúc nào trên năm cõi Tịnh Cư cũng có Chư Phạm Thiên. Bởi vì nếu trong một khoảng thời gian dài chừng một ức kiếp trái đất hay một A tăng kỳ đại kiếp mà không có Đức Phật nào ra đời thì trên năm cõi ấy cũng hoàn toàn vắng vẻ. Đến khi có một Đức Phật Toàn Giác ra đời thuyết pháp thì mới có Chư Phạm Thiên Tịnh Cư và các vị ấy sống nhiều lắm là ba mươi một ngàn kiếp trái đất rồi Níp Bàn cả. Thế là năm cõi Tịnh Cư lại tiếp tục hoang vắng. Điều đặc biệt là dù hoang vắng đến mấy cũng không một hữu tình nào có thể sinh vào đó được. Chính vì thế, theo như Ngài *Buddhaghosa* thì 5 cõi ấy không được kể vào 9 khu vực hữu tình xứ (*sattavāsa*) hay 7 khu vực thức xứ (*viññāṇatṭhiti*)

Nhưng Ngài *Mahāsiva* thì lại bảo rằng dù có lúc bị bỏ hoang vắng nhưng 5 cõi Tịnh Cư đã và sẽ có Chư Phạm

Thiên hiện hữu, vậy chúng cũng vẫn được kể vào các khu vực hữu tình xứ hay thức xứ. Như thế, nếu xét cho cùng thì ý kiến của hai Ngài Giáo Thọ Sư cũng không trái nghịch nhau là mấy.

Trong 31, chỉ có 3 cõi: Quảng Quả, phi tướng phi phi tướng và Sắc Cứu Cánh Thiên mới được gọi là những chung điểm của sinh thú (*bhavagga*) hay những cõi tốt đích. Sở dĩ gọi như vậy là vì đối với Chư thánh nhân hữu học một khi đã sanh vào một trong ba cõi này rồi thì dù có hết tuổi thọ khi chưa chứng tứ quả cũng không thể sanh sang cõi khác được. Nói vậy, có nghĩa là nếu các vị thánh nhân hữu học trên cõi Quảng Quả và cõi phi tướng phi phi tướng đã sống hết thọ mạng mà vẫn chưa trở thành La Hán thì phải tái sanh trở lại ngay cõi đó để tu tập cho đến khi nào chứng tứ quả thì thôi, chớ không sanh lên hay xuống các cõi khác được. Riêng về chư vị A-Na-Hàm ở cõi Sắc Cứu Cánh Thiên (*Akanitṭha*) thì trước sau gì cũng phải viên tịch Níp Bàn ngay kiếp sống hiện tại, không bao giờ có việc Phạm Thiên cõi Sắc Cứu cánh Thiên lần thứ hai. Điều đó là quy luật.

Để khẳng định những điều vừa nói, trong *Sammo-havinodanī* (689) có viết:

"*Vehapphalā akaniṭṭhā nevasaññānāsaññāyatananti ime tayo devalokā setṭhabhavā nāma. Imesu tisu thānesu nibbattā anāgāmino (ceva sotāpannasakadāgāmino ca) neva uddham gacchanti na adho, tattha tattheva parinibbāyanti*"

Tuy đoạn *Pāli* trên đây không có nhắc trực tiếp hai hạng thánh hữu học thấp, nhưng ta phải hiểu rộng tiếng *Anagāmi* mà các Ngài sử dụng trong trường hợp này có tất cả hai trường hợp Bất Lai.

1. *Phala anāgāmi*: ở đây chỉ cho chư Phạm Thiên tam quả
2. *Jhāna anāgāmi*: tức Chư Phạm Thiên thuộc hai tầng thánh hữu học

Sở dĩ hai bậc Phạm thiên hữu học này được gọi là Bất lai vì các vị ấy cũng không bao giờ tái sinh trở lại cõi Dục giới. Trong bài kệ 452 của bộ *Nāmarūpapariccheda* có ghi như sau:

Vehapphale akaniṭṭha
Bhavagge ca paṭiṭṭhitā
Na punaṅṅattha jāyanti
Sabbe ariya puggalā!

Có vấn đề liên quan cần nhớ là đối với Chư Phạm Thiên trong bốn cõi Tịnh cư cũ, mà luôn luôn phải sanh lên các cõi cao hơn thôi. Đối với Chư Phạm thiên hữu học ngoài cõi Tịnh Cư cõi nào, có thể tái sinh trở lại cõi ấy cũng được, hay là sanh lên các tầng Phạm xứ cao hơn chứ không thể sanh xuống các cõi thấp hơn. Điều này đã được các Ngài Giáo Thọ Sư nhìn nhận:

Na puna tattha jāyanti
Sabbepi suddhavāsikā
Brahmaloke gatā hetṭhā
Ariyā nopapajjare!

Nói tóm lại: cõi Quảng Quả, cõi phi tướng phi phi tướng và cõi Sắc cứu Cánh Thiên đều là những cõi tốt đích

của các sinh thú (*bhavagga*). Cõi Quảng Quả là tốt đích của các cõi Phạm Thiên phạm vực (*puṭhujjhana-bhavagga*), cõi Sắc Cứu Cánh Thiên là tốt đích của các cõi Phạm Thiên thánh vực (*ariyabhavagga*), còn cõi phi tướng phi phi tướng là tốt đích của cả tam giới (*sabbabhavagga*).

Uy lực của một Đức Phật Toàn Giác rất lớn, có sức ảnh hưởng đến nhiều vũ trụ (*cakkavāḷa*). Mỗi khi vị Bồ Tát kiếp chót nhập thai hay đản sanh thì cả mười ngàn vũ trụ này gọi là *Jātikhetta* (sanh vực) của một Đức Phật. khi chư Phật Toàn Giác đọc tụng hay thuyết giảng một bài kinh, một pháp thoại đặc biệt nào đó thì cả một ngàn tỷ (một ức *koṭi*) vũ trụ đều rung chuyển. Phạm vi đó được gọi là một *Ānākhetta* (uy vực) của Chư Phật.

Trong phạm vi uy vực ấy, có đủ bốn hạng phạm nhân, họ có thể tái tục và sinh sống ở đó. Trong phạm vi sanh vực còn có thêm Chư Thánh nhân, các vị có thể tái tục hay chỉ sống nhờ ở đó. Còn đối với các vũ trụ nằm ngoài phạm vi sanh vực thì không có vị thánh nhân nào tái tục cả, nếu có thánh nhân thì chỉ là thánh nhân trong thời kỳ bình nhật và chỉ toàn là người Quả. Ở các vũ trụ ấy cũng có tầng phạm xứ Tịnh Cư, nhưng chư thánh tam thiên trong phạm vi sanh vực không bao giờ tái tục qua đó bởi các vị không còn tha thiết trong sự hưởng cầu sinh thú (*nikantiṅṅhā*) nữa.

Sở dĩ ở các vũ trụ nằm ngoài phạm vi sanh vực có sự hiện diện của chư thánh nhân trong thời bình nhật là vì các vị Phạm thiên Tịnh cư trong khu vực sanh vực muốn sống viễn ly để tìm sự lạc trú cho mình, nên đã rủ nhau bay ra

đó cư trú. Về vấn đề này, trong bộ *Paṭisambhidāmagatthakathā* có ghi:

“*Suddhavāse pana jātikhattato parabhāge satipi anā-gāmīnaṃ tatthuppatti na yuttā tattha nikanti asiddhito, idha vātānaṃ¹⁶ pana tattha vāso yutto anākiṇṇatāya phāsuvihārahetuttā!*”

¹⁶Đáng lý ra phải là *vāsānaṃ!*

VẤN ĐỀ THẾ GIỚI THÀNH HOẠI

Gọi là kiếp hay kappa có bốn trường hợp:

1. *Āyukappa* (thọ mạng kiếp) tức chỉ cho thời gian trong một cuộc đời; một kiếp sống của các chúng sanh. Kiếp sống của mọi hữu tình lâu mau, bất định. Như đối với nhân loại, có khi sống đến cả A tăng kỳ¹⁷ năm rồi có lúc chỉ sống đến mười tuổi. Còn Phạm thiên cõi phi tướng phi phi tướng thì có hạn lượng tuổi thọ 84.000 đại kiếp sau đây là câu giải tự về danh từ

Thọ kiếp (*āyukappa*)

- *Kappīyate paricchijjate kappo*

(thọ kiếp là ấn định về hạn lượng tuổi thọ của các loài hữu tình)

2. *Antarakappa* (trung gián kiếp): cứ hai lần tăng giảm tuổi thọ nhân loại thì được gọi là II trung gián kiếp. Nghĩa là vào thời sơ kiếp (lúc quả địa cầu mới hình thành), con người sống đến một A tăng kỳ năm, rồi từ đó giảm dần xuống chỉ còn mười tuổi. Từ mười tuổi lại tăng dần lên tới một A tăng kỳ năm. Rồi từ đó lại giảm dần xuống còn mười tuổi. Khoảng thời gian ấy còn được gọi là một trung gián kiếp.

¹⁷ nếu viết ra số thì là một 1 với 140 con số 0

VẤN ĐỀ THẾ GIỚI THÀNH HOẠI

Gọi là kiếp hay kappa có bốn trường hợp:

1. *Āyukappa* (thọ mạng kiếp) tức chỉ cho thời gian trong một cuộc đời; một kiếp sống của các chúng sanh. Kiếp sống của mọi hữu tình lâu mau, bất định. Như đối với nhân loại, có khi sống đến cả A tăng kỳ¹⁷ năm rồi có lúc chỉ sống đến mười tuổi. Còn Phạm thiên cõi phi tướng phi phi tướng thì có hạn lượng tuổi thọ 84.000 đại kiếp sau đây là câu giải tự về danh từ

Thọ kiếp (*āyukappa*)

- *Kappiyate paricchijjateti kappo*

(thọ kiếp là ấn định về hạn lượng tuổi thọ của các loài hữu tình)

2. *Antarakappa* (trung gián kiếp): cứ hai lần tăng giảm tuổi thọ nhân loại thì được gọi là II trung gián kiếp. Nghĩa là vào thời sơ kiếp (lúc quá địa cầu mới hình thành), con người sống đến một A tăng kỳ năm, rồi từ đó giảm dần xuống chỉ còn mười tuổi. Từ mười tuổi lại tăng dần lên tới một A tăng kỳ năm. Rồi từ đó lại giảm dần xuống còn mười tuổi. Khoảng thời gian ấy còn được gọi là một trung gián kiếp.

¹⁷ nếu viết ra số thì là một 1 với 140 con số 0

3. *Asaṅkheyyakappa* (vô gián kiếp): 64 gián kiếp được gọi là một vô toán kiếp.

Có một vị Giáo thọ Sư (*keci ācariya*) bảo rằng 20 trung gián kiếp là một vô toán kiếp. Có vị lại bảo rằng 80 trung gián kiếp là một vô toán kiếp. Theo các nhà học giả xưa kia ở Ấn Độ thì 14 trung gián kiếp bằng một vô toán kiếp.

Tiếng vô toán kiếp được chỉ cho bốn trường hợp

A- *saṃvatta asaṅkheyyakappa*: ngay thời điểm một ngàn tỷ (một ức *koṭi*) vũ trụ bị tiêu hoại được gọi là hoại vô toán kiếp. Các Ngài đã giải thích như sau:

- *Samvattatīti saṃvatto*: “gọi là kiếp hoại tức chỉ cho thời điểm các vũ trụ đang bị tiêu hoại”

B- *Samvattatīti āsāṅkheyyakappa*: thời điểm mà vũ trụ vừa tiêu hoại xong, bầu không gian trước giờ bị vũ trụ choán chỗ đến lúc ấy sẽ hoàn toàn trống trải, bao la. Giai đoạn đó được gọi là không vô toán kiếp, như các Ngài đã giải thích:

- *Samvatto hutvā tiṭṭhatīti saṃvattatīti āsāṅkheyyakappa* “giai đoạn vừa bị tiêu hoại xong, được gọi là kiếp không”

C- *Vivatta - asaṅkheyyakappa*: sau khi trải qua một thời gian dài, một vũ trụ mới mẻ khác được phối tạo từ từ. Ta gọi thời điểm hình thành vũ trụ ấy là thành vô toán kiếp

- *Vivattatīti vivatto* (gọi là kiếp thành tức chỉ cho giai đoạn vũ trụ đang được phối tạo)

D- *Vivattatīti āsāṅkheyyakappa*: giai đoạn mà vũ trụ đã được cấu tạo và hình thành một cách thật sự hoàn chỉnh,

có đủ nhật nguyệt, tinh tú, sinh vật, núi non, sông biển.... thì được gọi là Trụ vô toán kiếp

- *Vivatto hutvā tiṭṭhatīti vivattatīti āsāṅkheyyakappa* (gọi là kiếp trụ tức chỉ cho thời điểm vũ trụ đã thật sự hoàn chỉnh)

4. *Mahākappa* (đại kiếp) bốn vô toán kiếp (thành-trụ-hoại-không) gom lại được gọi là một đại kiếp. Thời gian của một đại kiếp không thể tính bằng đơn vị năm tháng được, mà phải hiểu theo ví dụ sau đây. Có một khối hạt cải đồ sộ khoảng 100 do tuần vuông. Cứ một trăm năm lại lấy ra một hạt cho đến khi nào cả đồng hạt cải ấy hết nhãn, thì đó là thời gian của một đại kiếp. Cho nên các Ngài đã định nghĩa tiếng đại kiếp như sau:

- *Sāsaparāśopamādīti kappiyatīti kappo* (đại kiếp là một khoảng thời gian chỉ được tính theo ví dụ, chứ không thể dùng đơn vị năm tháng)

Nãy giờ là nói theo khía cạnh phổ thông, bây giờ bàn về khía cạnh chuyên môn của Phật Giáo. Gọi là “kiếp” theo Phật Giáo chuyên khoa thì có hai trường hợp: khiếm kiếp (*suñṇakappa*) và bất khiếm kiếp (*Asuñṇakappa*) khiếm kiếp là kiếp không có chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và Chuyển Luân Vương ra đời. Còn bất khiếm kiếp là kiếp có các vị ấy ra đời.

Khiếm kiếp có bốn:

1. *Suñṇamahākappa*: khiếm đại kiếp – là trái đất không có Đức Phật Toàn Giác ra đời.

2. *Suñña asañkheyyakappa*: khiếm-vô-toán-kiếp ám chỉ cho ba thời điểm không có Chư Phật ra đời. Hoại vô toán kiếp, không-vô-toán-kiếp và Thành-vô-toán-kiếp

3. *Suñña atarakappa*: khiếm trung gián kiếp tức trung-gián-kiếp mà không có Chư Phật ra đời

4. *Suñña āyukappa*: khiếm thọ kiếp, chỉ cho giai đoạn nhân loại sống hơn một ức tuổi hoặc dưới 100 tuổi. Vào các thời điểm đó cũng không bao giờ có Chư Phật ra đời nên gọi là khiếm thọ kiếp

* Có năm trường hợp bất-khiếm kiếp:

1. *Sārakappa*: đại kiếp (*mahākappa*) mà có một Đức Phật Toàn Giác ra đời (tài kiếp)

2. *Maṇḍakappa*: đại kiếp mà có hai Đức Phật Toàn Giác ra đời (viên kiếp)

3. *Varakappa*: đại kiếp mà có ba Đức Phật Toàn Giác ra đời (ưu kiếp)

4. *Sāramaṇḍakappa*: đại kiếp mà có bốn Đức Phật Toàn Giác ra đời (tài viên kiếp)

5. *Bhaddakappa*: đại kiếp mà có đến năm vị Chánh Đẳng Giác ra đời (tạm dịch là Hưng kiếp hay Hiền kiếp)

Trong *Buddhavaṃsa atthakathā* có ghi:

“Eko buddho sarakappe, maṇḍakappe jinā duve tayo buddho varakappe, sāramaṇḍe catu buddhā, pañca buddhā bhaddakappe....”

Điều nên nhớ là trong mỗi đại kiếp có tối đa là năm Đức Chánh Đẳng Giác mà thôi, không bao giờ có tới vị thứ sáu, theo bộ *Anāgatavaṃsa atthakathā* đã xác nhận

như vậy: *“Na hi ekasmiṃ Kappe chaṭṭho vā sattamo vā uppajjati”*

GIẢI TRỌNG VỀ HOẠI KIẾP

Hoại-vô-toán kiếp *saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa* có ba trường hợp:

1. *Tejosaṃvaṭṭāsaṅkheyyakappa*: hoả hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng lửa.
2. *Āposamvaṭṭāsaṅkheyyakappa*: thủy hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng nước.
3. *Āyosamvaṭṭāsaṅkheyyakappa*: phong hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng gió.

Nghĩa là các vũ trụ có nhiều cách tiêu hoại. Hoặc bằng lửa, bằng nước hay bằng gió cứ bảy lần bị tiêu hoại bằng lửa thì có một lần tiêu hoại bằng nước, và sau bảy lần tiêu hoại bằng nước thì có một lần tiêu hoại bằng gió. Vậy phải trải qua 63 trái đất mới có một trận tiêu hoại bằng gió, và cứ 64 trái đất như thế thì được gọi là một chu kỳ có 8 tiểu chu kỳ, trong mỗi tiểu chu kỳ có 8 đại kiếp (tức kiếp địa cầu). Trong 8 đại kiếp đó có liên tục bảy đại kiếp tiêu hoại bằng lửa, đại kiếp cuối cùng sẽ tiêu hoại bằng gió. Đó là quy trình tiêu hoại của một chu kỳ, hết đại chu kỳ này thì lại bắt qua đại chu kỳ khác, cứ thế và cứ thế. Nói về vấn đề kiếp hoại trong *Visuddhimagga* và *sarathadīpanītikā* có ghi:

*Satta sattaginā vārā
Aṭṭhame aṭṭhame dakā
Catusaṭṭhi yadā punṇā
Eko vayuvāro siyā!*

CHU KỲ TIÊU HOẠI CỦA VŨ TRỤ

| Tiểu chu kỳ | Cách tiêu hoại của mỗi đại kiếp | | | | | | | | Số lượng đại kiếp |
|------------------|---------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|-------------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| I | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| II | | L | | L | L | | L | N | 8 |
| III | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| IV | L | | L | L | | | L | N | 8 |
| V | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VI | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VII | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VIII | L | L | L | L | L | L | L | G | 8 |
| Tổng số đại kiếp | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 64 |

Ký hiệu:

L: lửa

N: nước

G: gió

Như đã nói ở trước, mỗi Đức Phật Toàn Giác đều có ba giới vực sinh hoạt sanh vực, uy vực và tuệ vực. Khi các Ngài nhập thai kiếp chót, khi đản sanh thành đạo và Níp Bàn thì cả mười ngàn vũ trụ đều rung chuyển kinh động phạm vi bị ảnh hưởng gió được gọi là sanh vực (*jātikhetta*) của Đức Phật. khi Chư Phật tụng các bài kinh đặc biệt như *khandhaparitta*, *āṭānāṭiyaparitta*, *dhajaggaparitta*, *mora-paritta*, *ratanasutta* thì có đến một ngàn tỷ vũ trụ bị kinh động phạm vi đó được gọi là uy vực (*āṇākhetta*) của Đức Phật. Giới vực cuối cùng của Chư Phật là tuệ vực (*Visayakhetta*) phạm vi đến đi của trí tuệ Chư Phật, giới vực này không có giới hạn. Bởi trí lực của Chư Phật là vô biên nên những pháp giới mà các Ngài thông đạt cũng vô lượng, các vũ trụ mà Ngài có thể nhìn thấy cũng vô số.

Khi các vũ trụ trong uy vực bị tiêu hoại thì tất cả vũ trụ trong sanh vực cũng bị tiêu hoại theo. Các vũ trụ ngoài ra đó, nằm trong tuệ vực thì không bị ảnh hưởng gì.

Thể giới chúng ta hiện đang ở giai đoạn kiếp trụ (*Vitaṭṭāsāṅkheyyakappa*). Sau khi đã trải qua đủ 64 trung gián kiếp và ở trung gián kiếp cuối cùng từ một A tăng kỳ năm đã giảm xuống 1000 tuổi thì thể giới bắt đầu đi đến băng hoại. Nguyên nhân dẫn đến sự băng hoại thể giới (*Lokavināsa*) chính là tham, sân, si. Khi nào chúng sanh có phiền não Tham mãnh liệt thì thể giới sẽ bị tiêu hoại bằng lửa. khi nào chúng sanh bị phiền não sân chi phối mạnh mẽ thì thể giới sẽ bị tiêu hoại bằng nước. Khi nào các chúng sanh bị phiền não Si vây phủ đầy chật thì khi ấy thể

giới sẽ bị băng hoại bằng gió. Sở dĩ như vậy là vì các Ngài giải thích rằng tham chẳng khác nào lửa đỏ, sân chẳng khác gì nước cường toan, còn si thì giống như khí độc.

Trong kinh ghi rằng mỗi khi sắp có một sự kiện hay một biến cố nào quan trọng sắp xảy ra thì từ khoảng không gian bao la của vũ trụ sẽ có Chư Thiên, hay Phạm Thiên bay đi thông tri cho mọi người cũng biết để chuẩn bị những gì cần thiết.

1. *Kappalokāhala*: trước khi thể giới bị băng hoại một ức năm, luôn luôn có người thông tri trước.
2. *Buddhakolāhala*: một ngàn năm trước khi một Đức Phật Toàn Giác ra đời, cũng có thiên nhân đi thông báo
3. *Cakkavattikolāhala*: một trăm năm khi chuyển Luân Vương ra đời, cũng có thiên nhân thông báo
4. *Maṅgalakolāhala*: trước khi bậc Đạo Sư thuyết bài hạnh phúc kinh khoảng 12 năm cũng có Chư Thiên thông báo
5. *Moneyyakolāhala*: trước khi bậc chân tu thánh sĩ (như Phật Độc Giác, hay Chư Đạo sĩ đại thắng trí) ra đời, khoảng 7 năm cũng có Chư Thiên đi thông báo.

GIẢI RỘNG VỀ HOẢ HOẠN KIẾP

Trước khi bắt đầu vào giai đoạn băng hoại bằng lửa, trong không gian bao la của các vũ trụ sẽ xuất hiện một đám mây khổng lồ tên là *Kappavināsamahāmegha* (đám mây tàn phá đại kiếp đám mây này thật lớn. Lúc đó mọi người vui mừng hý hả bắt tay vào công việc ruộng nương, rẫy bãi một cách hào hứng. Thế rồi khi hoa màu vừa được tưới tốt phát triển ít lâu, đám mây quái ác kia bắt đầu ảm ỉ những tiếng rền vang khùng khiếp, trời không còn mưa nữa, hoa màu chết dần. Như trong chánh tạng, bậc Đạo Sư đã thuyết:

Này các Tỳ Kheo! Khi đám mây kia vang rền những tiếng nổ như vậy thì mưa không còn rơi xuống và suốt cả trăm năm, ngàn năm, cả muôn năm, cả ức năm địa cầu bị hạn hán, các loài sống bằng nước mưa đã lần lượt chết hết và sanh lên tầng Phạm Thiên sứ nhĩ thiên. Tiếp theo đó các loài hữu tình khác, kể cả các thiên nhân, những chúng sanh sống bằng cây trái cũng mạng chung rồi sanh về Phạm Thiên giới. Sau đó một thời gian, nước trong ao hồ sông rạch... khô cạn dần, các loài thủy tộc cũng chết hết và sau đó sanh lên Phạm Thiên giới. Thế rồi khi mặt trời thứ bảy mọc lên, chúng sanh trong địa ngục đều bị huỷ diệt hết cả”

Qua đoạn trên có lẽ ai cũng thắc mắc rằng: phạm muốn sanh lên Phạm thiên giới trước hết phải có chứng đắc một tầng thiền định nào đó mà đối với các hữu tình thời kỳ hoại kiếp đều mạng chung, một cách vội vã, bức bách như thế sao lại có thể chứng thiền định để sanh lên Phạm thiên giới được. Đây là câu trả lời cho thắc mắc đó:

Các loài súc sanh trong thời hoại kiếp không phải từ đọa xứ trực tiếp sanh lên Phạm thiên giới, chúng phải sanh làm nhân loại trước rồi từ đó sanh lên các cõi Dục thiên. Từ các cõi Dục thiên, những chúng sanh ấy đã tu tập thiền định và sau đó mới sanh lên cõi Phạm thiên.

Sở dĩ mọi việc diễn tiến êm xuôi như vậy là vì theo quy luật từ ngàn xưa, trước khi thế giới bị băng hoại thì có một nhóm thiên nhân Dục giới mang tên *Lokabyūhadēvatā* tự nhiên linh cảm được nỗi nguy cơ sắp xảy ra cho mọi người, các vị tự biết rằng một ức năm nữa thế giới sẽ bị huỷ diệt nên liền dẫn nhau hiện xuống cõi người với bộ dạng thiếu não, buồn khổ cùng cực rồi đi khắp nơi thông báo cho tất cả cùng hay biết chuyện đó để mọi người rảnh lo tu tập. Thế rồi cứ mỗi thế kỷ, các thiên nhân ấy lại bay đi thông báo một lần, nội dung của lời báo cáo ấy cũng xoay quanh việc khuyến khích mọi hiểu kính đối với cha mẹ và tu tập tứ phạm trú (vô lượng tâm).

Theo một số vị Giáo Thọ Sư thì việc “biết trước” ấy không phải do các thiên nhân linh *Lokabyūhadēvatā* cảm, mà chỉ do các vị đó y cứ vào hiện tượng thoái đọa của nhân loại nên mới tiên tri như vậy. Đồng thời cũng có một số ý kiến khác cho rằng việc các thiên nhân

Lokabyūhadevatā biết trước được dự kiến thế giới băng hoại là do Chư Phạm Thiên cho hay và sai đi thông báo.

Nói về nhân loại và Chư Thiên cõi Dục giới sau khi nghe thông báo về mối nguy cơ khủng khiếp kia thì ai cũng nhất tâm tu hành; tạo trữ công đức, nhất là phát triển bốn pháp phạm trú. Sau khi mệnh chung, tất cả đều sanh lên Phạm thiên giới như đã nói ở trước. Còn đối với các chúng sanh đoạ xứ như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. A-tu-la thì đều nhờ thiện hậu báo nghiệp (*aparāpariyakusalakama*) từ đời trước mà sanh về thiên giới, rồi từ đó lại sanh lên Phạm thiên giới. Ta nên biết rằng trong quá trình từ sanh của mỗi người, ai cũng có tạo trữ ít nhiều công đức, chính những công đức ấy bây giờ trở thành hậu báo nghiệp để nâng đỡ họ trong thời điểm cấp bách này. Nhưng có điều là đối với những chúng sanh có ác nghiệp không đến nỗi quá nặng nề thì mới được như vậy, còn đối với các chúng sanh trót tạo trọng nghiệp như những người bị tà kiến trầm trọng (*Niyatamicchādiṭṭhikamma*) thì khi vũ trụ này bị băng hoại họ sẽ sanh qua những vũ trụ nằm ngoài phạm vi đang bị cơn lốc băng hoại hoành hành, để tiếp tục bị sa đoạ và chịu đựng khổ hình. Đó là theo các vị Chú Giải Sư. Còn một số vị Giáo Thọ Sư khác thì bảo rằng khi các vũ trụ rơi vào giai đoạn băng hoại thì những chúng sanh mắc phải trọng nghiệp như tà kiến nặng chẳng hạn, hay phạm vào ngũ nghịch đại tội cũng đều thoát khỏi đoạ xứ chứ không bao giờ có việc sanh sang các vũ trụ khác để tiếp tục bị đoạ lạc. Các vị ấy đưa ra lời giải thích rằng: “Những chúng sanh đó lúc còn mang thân nhân loại

đều ác kiến thế nào đi nữa nhưng sau khi sanh xuống địa ngục cũng tự ý thức được sự sai quấy của mình và biết từ bỏ quan kiến cũ. Đó cũng nhờ họ có được trí nhớ tiền kiếp (*jāṭisaruṇāṇa*). Rồi khi vũ trụ sắp bị băng hoại, nhóm thiên nhân *Lokabyūha*, bay đi thông báo cùng khắp cho mọi người được biết, thì lúc ấy các chúng sanh nọ sẽ nhờ vào phần công đức lưu trữ từ đời quá khứ có thể giúp họ được như vậy là cũng do trong hiện tại họ đã biết hồi tâm phản tỉnh. Sau khi sanh lên thiện thú rồi, họ lại gia công tu tập thiện định để được sinh về Phạm thiên giới như bao chúng sanh khác. Mà đã muốn thì. “ĐƯỢC” thế thôi.

Trở lại vấn đề băng hoại của thế giới, sau một thời gian dài trời không mưa thì tất cả cây cối thảo mộc và các hữu tình đều lần lượt chết dần. Lúc đó không còn ngày đêm gì nữa, bởi vì lúc nào trời đất cũng nóng như thiêu, mặt trời này vừa lặn thì mặt trời khác mọc lên. Mặt trời lúc đó toả nhiệt khủng khiếp hơn bây giờ và vị thiên tử trông coi mặt trời (*Suriyadevaputta*) cũng không còn ở trên đó nữa, vị ấy đã tu tập thiện định rồi sinh về Phạm thiên giới từ lâu, trước khi mặt trời thứ hai mọc lên. Toà Kim điện hình của thiên tử ấy (*Suriyamaṇḍavimāna*) lúc đó cũng rực rỡ hơn trước bởi sức nóng mặt trời bấy giờ. Bầu không gian của các vũ trụ lúc đó cũng hoàn toàn không có một gợn mây. Mọi thứ trên mặt đất đều bị nắng đốt khô cằn. Kể cả các con sông lớn cũng bị cạn nước khi mặt trời thứ ba mọc lên. Thế rồi cách đó ít lâu, mặt trời thứ tư lại xuất hiện, các đại hồ trên thế giới như *Anotāta*, *kuṇāla*, *Rathakāla*, *Maṇḍākini*, *Sihapapāta*, *kaṇṇamuṇḍa*, *Chaddanta* cũng

đều cạn khô. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện thì cả bốn đại dương cũng hết nước, tìm một tí nước biển để thấm ngón tay cũng không có. Khi mặt trời thứ sáu xuất hiện thì cả một ngàn tỷ vũ trụ bị bốc khói mù mịt để sẵn sàng phát cháy. Chính trong *Sattaṅguttara pāli*, bậc Đạo Sư cũng đã bảo rằng lúc mặt trời thứ sáu mọc lên. Cả ngàn tỷ vũ trụ chẳng khác gì những chiếc bình gốm trong lò nung, tất cả đều bốc khói hừng hực. Thế rồi tới thời điểm mặt trời thứ bảy xuất hiện, cả ngàn tỷ vũ trụ đồng loạt bốc cháy cùng với những tiếng nổ long trời lở đất. Điểm xuất phát của ngọn lửa là bắt đầu từ các cõi nhân loại rồi lần lượt cháy lên các cõi Tứ thiên vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất, Hoá Lạc Thiên, Tha Hoá Tự Tại, và cháy cả ba cõi sơ thiên rồi ngọn lửa dừng lại ở đó. Chỗ nào bị ngọn lửa kinh khủng đó đi qua thì hoàn toàn tiêu tan hết cả. Thế là toàn bộ một ngàn tỷ thế giới đều bị phân huỷ băng hoại. Còn ngọn lửa kia sau khi đã không còn gì để huỷ diệt nữa thì cũng tự động tắt ngấm, nhường chỗ cho một không gian bao la đầy bóng tối. Giai đoạn mêng muội này kéo dài suốt một thời gian rất lâu.

SỰ HÌNH THÀNH CỦA TÂN VŨ TRỤ

Sau giai đoạn mông muội dài đằng đằng, trong không gian vô tận của những vũ trụ đã bị băng hoại sẽ có những đám mây xuất hiện và trút xuống một trận mưa.

Lúc đầu hạt mưa chỉ li ti như bụi rồi to dần bằng hạt mè, hạt gạo..., cuối cùng, các hạt mưa to bằng thân cây thốt nốt. Vị trí cũ của một ngàn tỷ vũ trụ bị băng hoại ngày nào bây giờ đầy ắp những nước mưa. Mặt nước lại từ từ dâng cao lên tới cõi nhị thiên đứng lại. Phía dưới khối nước khổng lồ là một lớp gió có nhiệm vụ nâng đỡ không cho nước mưa rơi xuống và giữ cho khối nước được lơ lửng mãi như thế. Rồi tự dưng mặt nước lại rút thấp dần, rút ngang chỗ ba cõi sơ thiên cũ, thì tự nhiên ba cõi ấy được hình thành, tiếp theo đó là các cõi Tha Hoá Tự Tại, Hoá Lạc Thiên, Đâu Xuất, Dạ Ma cũng được hình thành. Nói chung mặt nước trút xuống đến đâu thì các cõi lần lượt hiện ra theo đến đó. Nhưng khi rút xuống tới vị trí cũ của hai tầng dục thiên thấp là Đạo Lợi và Tứ Thiên vương thì hai cõi này vẫn không hiện ra bởi chúng phải nằm trên núi Tu-di, mà núi Tu-di lại có liên hệ với mặt đất. Khi mặt đất chưa hình thành thì núi Tu-di vẫn không thể xuất hiện được. Thế rồi mặt nước lại tiếp tục rút xuống tới vị trí mặt đất ngày nào, lúc đó có một luồng kinh phong, thổi đến

bao bọc lấy khối nước còn lại như người ta giữ nước trong lớp vải bọc vậy. Trên mặt nước đó bắt đầu hình thành một khối lục địa bằng bèn như lá sen trong hồ. Đất trong khối lục địa đó màu vàng, giống như màu hoa *kanṇikarā* và mùi vị vô cùng thơm ngon.

Điểm đặc biệt ở đây là khu vực bảo toạ giác ngộ (*Bodhipallanka*) của Chư Phật luôn cháy sau cùng trong giai đoạn hoại kiếp và lúc nào cũng được hình thành trước nhất trong thời điểm thành kiếp, nếu trong vô toán kiếp đó có được bao nhiêu Đức Phật ra đời thì ngay tại khu vực đó sẽ mọc lên bấy nhiêu hoa sen để làm biểu tượng (*Pubbanimitta*) và chỉ có chư Đại Phạm thiên mới thấy được các hoa sen ấy thôi. Nếu trông thấy có hoa sen mọc lên tại khu vực bảo toạ giác ngộ thì các vị ấy tỏ vẻ vui mừng hoan hỷ, còn như không thấy hoa sen nào thì họ sẽ cất tiếng than van cho mọi người cùng nghe thấy: “Ôi! thật bất hạnh cho chúng ta làm sao, thế giới sẽ bị huỷ diệt mất thôi. Cõi thế sẽ không được soi sáng”

Mọi người nghe vậy ai cũng buồn rầu lo lắng. Sau khi địa cầu đã thật sự hình thành hoàn chỉnh các Phạm thiên hết tuổi thọ trên cõi Quang Âm (*ābhassara*) sẽ hoá sanh xuống làm nhân loại. Nhân loại lúc đó có thân tướng xinh đẹp và uy nghi như Phạm thiên, vấn đề giới tính cũng chưa được ai biết đến. Mọi người đều có hào quang rực rỡ và có thể bay trên hư không. Sau một thời gian dài sống tịnh lạc như vậy, từ trong tập quần nhân loại lại có xuất hiện những người đa dục. Đa dục ở đây chỉ có nghĩa là tham đắm trong vị ngon của đất. Buổi đầu họ chỉ lấy tí đất ném

thủ, sau đó, phát hiện trong đất có mùi vị thơm ngon nên đã đâm nghiện rồi ăn mãi. Từ ít người ăn rồi đến nhiều người ăn. Cuối cùng thì họ tham đắm trong chuyện ăn uống đó. Thế rồi tất cả nhân loại không còn phát sáng được nữa, địa cầu rơi vào bóng tối âm u dễ sợ. Ai cũng kinh khiếp khi phải sống thiếu ánh sáng và thẳm mong, sống lại những ngày quang đấng của thuở nào. Lúc đó mặt trời hiện ra trên bầu trời và ánh sáng đã chan hoà khắp nơi. Mọi người thấy thế mừng quá, họ gọi thiên cầu đó bằng cái tên *Suriya* (cái đem lại sự can đảm). Nhưng rồi đã là mặt trời thì phải có lúc lặn đi, thế giới lại tiếp tục chìm vào bóng tối. Tất cả nhân loại lại rơi vào tâm trạng sợ hãi như cũ. Đúng lúc đó, mặt trăng xuất hiện. Mọi người mừng rỡ và đặt tên cho thiên thể đó là *Canda* (cái làm cho mọi người vui mừng). Sau khi mặt trăng và mặt trời đã có thì các tinh tú cũng lần lượt xuất hiện, rồi vấn đề đêm ngày, năm tháng, quý tiết cũng được ấn định. Vào ngày trăng tròn tháng tư của năm đầu tiên kể từ ngày trời đất có nhật nguyệt tinh tú thì cả sáu khu vực sau đây: Đại sơn Tu-di, Đại sơn *Cakkavāla* (Hoàn vũ), Đại sơn Hy Mã, cùng các đại dương cũng được hình thành.

Về vấn đề hình thành đó được giải thích như sau: những chỗ u lồi của mặt đất sẽ mọc lên núi non những chỗ lõm sâu thì trở thành biển cả, còn các mặt bằng thì trở thành từng dãy bình địa gọi là đại châu hay tiểu châu.

Trong tập quần nhân loại, kể từ ngày có sự tham đắm trong việc ăn uống rồi thì dung sắc của mọi người bắt đầu có sự khác biệt với nhau, kẻ thì xinh đẹp, người thì thô

xấu, và kể từ lúc ác pháp hiện khởi rõ rệt, tức là loài người bắt đầu bị thân kiến và mạn chấp chi phối mạnh mẽ thì mặt đất không còn giữ được mùi vị thơm ngon như ngày nào nữa và càng lúc càng trở nên thô cứng nhạt nhẽo hơn. Giai đoạn thô cứng nhạt nhẽo đó dù gì cũng thơm ngon phần nào, thế rồi sau cùng thì hoàn toàn nhạt tẻch. Lúc đó, trên địa cầu lại xuất hiện một loại dây bò lan để chúng sanh có cái để ăn. Dần dần rồi giống dây bò đó cũng không còn nữa mà lại có một giống lúa tên là lúa *sāli* mọc lên để thay thế. Lúa *sāli* ấy có mùi vị rất thơm ngon nên loài người cũng tham đắm trong đó. Lúc đầu, khi nào muốn ăn thì mới hái, sau đó thì hái để dành. Thế là nhân loại còn sanh ra thêm cái tật xấu mới nữa là chấp thủ. Lúc *sāli* thời đó có điểm đặc biệt là không có trấu bên ngoài, và muốn nấu thành cơm cũng không khó, chỉ cần bỏ vào nồi hay đồ đựng nào đó rồi đem đặt lên một tảng đá. Lát sau tự dung cơm sẽ chín khi ăn uống phức tạp thô thiển như vậy một thời gian, loài người bắt đầu biết bài tiết bằng cách đường đại, đường tiểu. Như vậy thì bộ phận sinh dục đã hiện ra ở cơ thể mỗi người, hoặc là nam hoặc là nữ. Từ thuở mới hoá sanh xuống địa cầu, loài người ai cũng giữ được cận định. Tới khi nhận ra sự khác biệt nhau về mặt sinh lý thì cận định bị hoại và tham dục tăng trưởng mạnh mẽ.

Sau đó không lâu nhân loại biết tới vấn đề quan hệ tính giao và cuộc sống vật chất của họ ngày một vất vả, khó khăn hơn, khó khăn hơn ở đây chỉ có nghĩa là mọi người phải bỏ ra chút ít công sức để kiếm miếng ăn, bởi vì lúc ấy

lúa *Sāli* đã có thêm lớp vỏ trấu bên ngoài. Kể từ ngày cận định đã bị mất, nhân loại không còn bay trên hư không được nữa và trong điều kiện sinh tồn khá chật vật đó, mọi người đã biết tính toán hơn thua với nhau. Để người này khỏi phải bị kẻ kia giành phần ăn, họ đã phân chia đất đai ra từng phần cho mỗi cá nhân, thế là vấn đề tư hữu bắt đầu nảy sinh từ đó. Rồi trong thế giới loài người lại có tình trạng gian dối xảy ra. Người ta dùng biện pháp cảnh cáo ba lần bằng cách đánh đập rồi đuổi Sau cùng, thấy cuộc sống tập thể thiếu ý thức, tự giác nên mọi người đã nhất trí với nhau là bầu chọn một người nào đó có nhiều phước báu nổi bật để đưa lên cương vị cầm đầu, tất cả mọi người và giao cho trọn quyền xét xử mọi vụ sự rắc rối. Trong kinh ghi rằng vào thời điểm ban sơ của Trụ kiếp hiện tại, Đức Bồ Tát đã được bầu làm vị Hoàng Đế đầu tiên của nhân loại, bởi Ngài có đủ những đức tánh đặc biệt như thông tuệ, chánh niệm, ưa thiện ghét ác. Muốn thêm về thời kỳ sơ kiếp xin nghiên cứu trong *dīghanikāya* bài kinh khởi Thế Nhân Bản (*Aggaññasutta*).

Tóm lại qua từng chuyển biến của thế giới vừa trình bày xong, ta nên đi sâu thêm về cách phân chia giai đoạn của đại kiếp tiêu hoại bằng lửa.

1. Từ khi có đám mây *Kappavināsa* xuất hiện cho đến khi ngọn lửa thiêu huỷ các vũ trụ hoàn toàn tắt ngấm thì được gọi là giai đoạn hoại kiếp (*samvattāsāṅkheyyakappa*)
2. Từ khi ngọn lửa kia tắt ngấm cho đến lúc có cơn mưa trút xuống không gian bao la của các vũ trụ, được gọi là Hư kiếp hay không kiếp (*samvattāthā asāṅkheyyakappa*)

3. Kể từ lúc cá ngán tỳ vũ trụ đầy ắp những nước mưa cho tới khi nhật nguyệt tinh tú..., xuất hiện đầy đủ thì được gọi là giai đoạn thành kiếp (*Vivaṭṭāsāṅkheyyakappa*)

4. Kể từ khi đất trời nhật nguyệt có đủ cho đến lúc đám mây Huý kiếp xuất hiện, được gọi là giai đoạn Trụ kiếp kể từ (*Vivaṭṭaṭṭhāyī asāṅkheyyakappa*).

GIẢI VỀ THỦY HOẠI KIẾP

Nói chung thì tiến trình băng hoại bằng nước cũng giống như lửa, chỉ khác một vài chi tiết là sau khi đám mây Huỷ kiếp xuất hiện để trút xuống một trận mưa tưới mát các vũ trụ, giúp cho các loài thảo mộc tươi tốt thì thay vì mặt trời thứ hai xuất hiện ở đây lại xuất hiện một đám mây tên là *Kārudakamma-hāmegha* (cường toan vân). Tiếp theo đó là một cơn mưa toàn những chất cường toan buổi đầu thì hạt mưa nhỏ thôi, sau đó càng lúc càng to dần và đổ ập xuống cả một ngàn tỷ vũ trụ. Những luồng nước cường toan ấy rơi tới đâu là mọi thứ ở đó kể cả núi non, đất đá cũng đều bị phân huỷ hoàn toàn, giống như cục muối bỏ vào nước vậy. Rồi từ trong không gian bao la sẽ thổi đến một luồng bạo phong vây chặt lấy cả một ngàn tỷ vũ trụ để giữ không cho một giọt toan nào chảy ra ngoài phạm vi đó. Thế là cả một ngàn tỷ vũ trụ đều đầy ngập những cường toan và mặt nước cường toan cứ vậy mà dâng lên cao mãi trong khi cơn mưa ác nghiệt kia vẫn không ngừng trút xuống xối xả. Cường toan dâng lên tới đâu thì các cõi bị tiêu hoại đến đó, từ các cõi Dục giới nó tiếp tục dâng lên đến các tầng Phạm thiên giới, khi gần đưng tới cõi Biến Tịnh Thiên (*subhakinhā*) thì tự nhiên dừng lại không dâng nữa.

Bị ngấm trong nước cường toan, toàn bộ một ngàn tỷ vũ trụ đều hoàn toàn tiêu huỷ, không để lại một dấu vết nhỏ

nào dù chỉ là một hạt bụi đi nữa. Đó là quy luật biến hoại của vạn hữu. Nói về khối nước cường toan khổng lồ kia sau khi đã làm phân huỷ các vũ trụ cũng tự động bốc hơi và biến mất. Cả ngàn tỷ vũ trụ lúc bấy giờ chỉ còn là một khoảng không vô tận và thâm u.

Giai đoạn hình thành các tân vũ trụ cũng được diễn ra như đã giải ở trước nhưng có điều đặc biệt là sẽ bị tiêu hoại bằng nước (cường toan) thì tới khi các vũ trụ được tái lập, luôn bắt đầu từ cõi Quang Âm (*ābhassarā*), và thành phần nhân loại buổi đầu của các tân vũ trụ cũng đều từ cõi biến Tịnh Thiên hoá sanh xuống. Ngoài ra, các diễn biến còn lại đều giống như trước.

Từ khi đám mây Huỷ kiếp (*Kappavināsamahāmegha*) xuất hiện cho tới lúc khối nước cường toan biến mất được gọi là giai đoạn Hoại kiếp. Từ lúc các vũ trụ hoàn toàn băng hoại cho đến khi các tân vũ trụ hình thành được gọi là giai đoạn hư kiếp hay không kiếp. Từ lúc cơn mưa tái tạo vũ trụ rơi đầy ngập cả ngàn tỷ vũ trụ, tới khi các tân vũ trụ hình thành hoàn chỉnh, có đủ nhật nguyệt đất trời thì được gọi là giai đoạn thành kiếp. Từ khi tân vũ trụ đã thành hình một cách hẳn hoi cho tới lúc đám mây Huỷ kiếp xuất hiện được gọi là giai đoạn trụ kiếp. Gồm bốn giai đoạn này lại gọi là một đại kiếp.

GIẢI VỀ PHONG HOẠI KIẾP

Nói về cách băng hoại bằng gió của các vũ trụ thì sau khi đám mây Huỷ kiếp (*Kappavināsamahāmegha*) đổ mưa xuống một ngàn tỷ vũ trụ (*cakkavāḷa*) để tưới mát muôn loài thì lập tức có một cơn gió thổi đến, cơn gió này được gọi là *Samvattavāyo* (triệt hoại phong) lúc đầu chỉ nhẹ nhẹ rồi mỗi lúc một mạnh hơn. Cuối cùng trở thành một cơn lốc khủng khiếp. Cơn lốc này thổi tung tất cả mọi thứ trong một ngàn tỷ vũ trụ. Cây cối, đất đá, núi non, ao hồ... đều bị cơn lốc cuốn xoáy tan tác, đưa mất hút vào không gian. Còn quả đất này trước hết bị thổi ra từng khối, sau đó mỗi khối lại bị nát vụn thành bụi rồi tiêu tan hết cả. Cơn lốc tiếp tục thổi lên các tầng Dục thiên rồi tàn phá các cõi Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và đột ngột đứng lại. Như vậy cơn lốc này có sức tàn phá còn mãnh liệt hơn cả lửa và nước cường toan nữa. Bởi nó thổi mất cả lớp nước nâng đỡ địa cầu và thổi luôn cả ba tầng phạm xứ. Nhưng rồi nó cũng tự động tán mạn và biến mất. Giai đoạn mông muội bắt đầu.

Tiến trình tái lập các tân vũ trụ sau đó, cũng giống như đã giải thích, chỉ khác ở chỗ là cuộc khai lập bắt đầu từ cõi Biến Tịnh Thiên và thành phần nhân loại của các tân vũ trụ buổi đầu đều từ cõi Quảng Quả hoá sanh xuống.

Từ lúc đám mây huỷ kiếp xuất hiện cho đến khi các vũ trụ hoàn toàn bị phân huỷ được gọi là giai đoạn hoại kiếp.

Từ lúc cơn lốc triệt hoại vũ trụ tàn mạt cho tới khi trận mưa tái lập vũ trụ đổ xuống, được gọi là giai đoạn hư kiếp hay không kiếp từ khi khoảng không gian của một ngàn tỷ vũ trụ cũ được đầy ắp nước mưa cho tới lúc có đủ đất trời nhật nguyệt được gọi là giai đoạn khi có đủ nhật nguyệt cho tới lúc đám mây Huỷ kiếp xuất hiện được gọi là giai đoạn trụ kiếp. Mỗi giai đoạn như vậy được gọi là Vô-toán-kiếp hay A tăng kỳ kiếp (*Asaṅkheyyakappa*).

Bốn vô-toán-kiếp đều lâu như nhau và cả bốn vô toán kiếp này có được 256 Trung gián kiếp, thời gian đó được gọi là một đại kiếp.

GIẢNG RỘNG VỀ NHÂN GIỚI

Nhân giới bao gồm bốn đại châu

1. *Jambudīpa*: Nam Thiện Bộ Châu
2. *Uttarudīpa*: Bắc Cưu Lưu Châu
3. *Pubbavidehadīpa*: Đông Thắng Thần Châu
4. *Aparagoyānadīpa*: Tây Ngưu Xa Châu

Nam Thiện Bộ Châu rộng mười ngàn do tuần. Cõi A-tu-la (dưới đáy núi Tu-di), cõi Đạo Lợi và địa ngục A Tỳ (bao gồm luôn các tiểu địa ngục chung quanh) cũng rộng mười ngàn do tuần. Tây Ngưu Xa Châu và Đông Thắng Thần Châu, đều rộng bảy ngàn do tuần. Còn Bắc Cưu Lưu Châu thì rộng tám ngàn do tuần. Và như đã nói ở trước mỗi đại châu đều có 500 tiểu châu phụ thuộc.

Hình dạng của châu Nam Thiện giống như quả trứng. Hình dạng của châu Tây Ngưu Xa tròn như mặt trăng. Đông Thắng Thần Châu có hình bán nguyệt. Bắc Cưu Lưu Châu thì hình tứ giác. Nhân loại của mỗi châu cũng có khuôn mặt hao hao với hình dáng của đại châu mà mình sống.

Nói về châu Nam Thiện, tuy diện tích tối đa là mười ngàn do tuần nhưng đến khi nhân loại ở đây, hết phước thì bốn phần mười diện tích đó sẽ bị chìm xuống và trong sáu phần mười diện tích còn lại ấy, dãy Trường Sơn Hy Mã đã chiếm phân nửa. Như vậy phần lục địa có người ở chỉ còn lại rất hẹp, ba ngàn do tuần thôi. Dãy Trường Sơn Hy Mã

đài ba ngàn do tuần; trong đó có tới tám muôn bốn ngàn ngọn núi. Đỉnh núi cao nhất là 500 do tuần. Trường Sơn Hy Mã là điểm phát tích của năm con sông lớn: *Yamunā, gangā, Aciravatī, mahī (mahimahā), Sarabhū – cùng bảy đại hồ: Anotāta, Kaṇṇamuṇḍa, Rathakāla, Chaddanta, Kuṇḍala, Maṇḍākinī và Sīhapapāta*. Chu vi của mỗi đại hồ là 150 do tuần. Đại hồ đặc biệt nhất là đại hồ *Anotāta*. Hồ này nằm giữa năm ngọn núi: *Sudassanakūṭa, Citrakūta, kāḷkuṭa, Gandhamādanakūṭa và kelāsakūṭa*. Tức là chung quanh đại hồ này đều được núi non bao bọc.

Ngọn núi *Sudassana* được cấu tạo toàn bằng vàng và cao 200 do tuần. Đỉnh núi này có hình thù giống như đầu con quạ và nơi nghiêng vào hồ *Anotāta* một tí. Còn núi *Citrakūta* thì hoàn toàn bằng thất bảo; núi *Kāḷakūṭa* được cấu tạo bằng ngọc *Añjana* núi *Gandhamādana* toàn bằng cẩm thạch và đặc biệt là trên ngọn núi này có đủ các loại kỳ hoa dị thảo mang nhiều được chất cũng như có rất nhiều thứ hương mộc như trầm kỳ, chiến đàn trên *Gandhamādana* có một mỗm núi tên là *Nandamūlaka*, khu vực mà các Đức Phật Độc Giác thường trú ngụ. Tại mỗm núi này có ba hang động, một cái tên là *Suvaṇṇaguḥā* (kim động) vì được cấu tạo toàn vàng, một hang động nữa có tên là *Maṇiguḥā* (ngọc động) vì toàn bằng ngọc và hang động thứ ba tên là *Rajaguḥā* (ngân động). Bên cạnh *Maṇiguḥā* miệng hang có một cội cây *Uloka*, cao cả do tuần, tán cây cũng rộng một do tuần. Bên cạnh cội cây *Uloka* là một hội đường bằng ngọc, chỗ Chư Phật Độc Giác thường họp mặt. Hội đường có tên gọi là hội đường

ratanamāḷaka. Bên trong hội đường này sáu loại gió: luồng tảo phong (*Sammajjakavāta* có nhiệm vụ quét sạch hội đường; luồng bố sa phong (*samakiraṇavāta*) có nhiệm vụ rải cát trong hội đường cho được bằng phẳng cát ở đây toàn là ngọc nát (ngọc sa) luồng bố thủy phong (*siñcanakavāta*) có nhiệm vụ mang nước từ hồ *Anotāta* lên rải trong hội đường cho cát ngọc lắng xuống; luồng bố hương phong (*sugandhakīraṇavāta*) có nhiệm vụ đem các bông hoa thơm về bỏ trong hội đường rồi luồng bài phong (*ocinakavāta*) sẽ phân bố chúng rakhấp hội đường một cách đều đặn. Các Đức Phật Độc Giác luôn họp mặt nhau tại hội đường này vào ngày có vị mới thành đạo, ngày Bồ Tát (*Uposatha*)

Riêng về ngọn núi *Kelāsakūṭa* thì được cấu tạo toàn bằng bạc. Ngọn núi này với bốn ngọn kia đều có một hình dạng và độ cao như nhau, đều nằm bọc chung quanh đại hồ *Anotāta*. Do Chư Thiên cùng loài rồng xui khiến, trong khu vực năm ngọn núi cứ mưa liên tục cả năm và toàn bộ nước mưa đều chảy vào hồ *Anotāta* và điểm đặc biệt ở đây là không bao giờ ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có thể rọi vào hồ *Anotāta* được bởi đã có đỉnh núi *Sudassana* che khuất. Đó chính là lý do tại sao đại hồ này mang tên là *Anotāta*.

Hồ *Anotāta* rất đẹp, quanh hồ có rất nhiều bậc đá dẫn xuống. Nước dưới hồ tinh khiết và trong suốt như pha lê. Chỉ có những bậc đại phước như Đức Phật Toàn Giác hay Đức Giác mới được tắm rửa, bằng nước hồ *Anotāta*. Trong hồ có bốn nguồn nước chảy ra ngoài: Nguồn sư khẩu

(*sīhamukka*), nguồn tượng khâu (*Hatthimukha*), nguồn mã khâu (*assamukka*), và nguồn ngư khâu (*Usabhamukka*). Con sông nào phát tích từ nguồn sư khâu thì hai bên bờ có rất nhiều sư tử. Dòng sông nào phát tích từ nguồn tượng khâu thì hai bên bờ có rất nhiều voi. Dòng sông nào phát tích từ nguồn mã khâu thì hai bên bờ có rất nhiều ngựa rừng. Con sông nào phát tích từ nguồn ngư khâu thì hai bên bờ có rất nhiều bò. Nước trong hồ *Anotāta* được phân bố ra nhiều ngã. Nguồn nước chảy ra qua phía đông dãy trường sơn Hy Mã thì sau khi đi bọc vòng đại hồ ba đường sẽ băng qua ba con sông nữa và theo hướng đông ấy mà xuôi về đồng bằng rồi đổ ra đại dương luôn. Nguồn nào chảy ra phía Tây Bắc dãy Hy Mã thì sau khi chảy quanh hồ ba vòng sẽ xuôi về đồng bằng qua ngã Tây bắc rồi từ đó cũng chảy ra đại dương. Còn nguồn nước bên phía nam trường sơn Hy mã thì sau khi chảy quanh hồ *Anotāta* ba lần sẽ tuôn xuống một khối đá dài 60 do tuần, va vào một vách núi ở đó, tạo thành một thác nước ngược có độ cao 3 *gāvuta* (3/4 do tuần). Thác nước ngược ở đây có nghĩa là thay vì nước từ trên cao đổ xuống thì nó lại dội vào đá mà phun ngược lên. Rồi từ đó dòng nước lại đổ xuống một tầng đá phía dưới, tên là tầng đá *Tiyaggala* (tam giác) vì nó có ba cạnh. Do bị nước xoáy mòn. Nên trên tầng đá này có một cái hồ tên *Tiyaggalapokkharanī*. Nước trong hồ tam giác này lại tiếp tục chảy luôn xuống một tầng đá nằm phía dưới cũng dài 60 do tuần, rồi từ đó chảy luôn dưới mặt đất để ra tới ngọn núi *Tiracchānapabbata*, dòng nước

ngầm này cũng dài 60 do tuần, và đã xoáy vào núi để rồi tề ra thành năm dòng nữa, trông giống như năm ngón tay.

Những nguồn nước từ *Anotāta* chảy ra rồi lượn quanh hồ, được gọi là các dòng *Āvaṭṭagaṅga* (triền giang), luồng nước phun vọt lên hư không được gọi là *Ākāsaṅgā* (thiên giang). Dòng nước chảy tuôn xuống tầng đá tam giác được gọi là *Tiyaggalapokkharanī*. Luồng nước chảy phía di tản đá 60 do tuần được gọi là *Bohalagaṅga* (Mặt giang). Dòng nước ngầm chảy luôn dưới đất được gọi là *Umaṅgagā* (tiền giang) năm nhánh thủy lưu tề ra từ ngọn núi *Tiracchānapabbata* chính là năm con sông lớn ở Ấn Độ *Gaṅgā*, *Yamunā*, *Aciravatī*, *mahī* (*mahimahā*) và *Sarabhū*.

Nói về đại hồ *Chaddanta* thì có chiều rộng là 50 do tuần. Giữa hồ là một vùng nước thật trong trãi, bao la. Hoàn toàn trong suốt và tinh khiết như màu ngọc *Maṇi*, đặc biệt không có rong rêu bụi bặm gì cả. Vùng nước này rộng 12 do tuần, chung quanh có bảy lớp sen bao bọc thành từng vòng. Lớp thứ nhất dày một do tuần, toàn là hoa (*Caṅkalanī*). Lớp thứ hai toàn hoa sừng xanh (*suddhanīluppala*), cũng dày một do tuần. Lớp thứ sáu toàn là sen trắng cũng dày một do tuần và lớp thứ bảy thì toàn là sen *komuda* cũng dày một do tuần. Hết bảy lớp này xong thì tới lớp hoa tạp sắc (*Vomissakavana*) tức là ở đây có đủ loại sen tạp sắc, lớp này cũng dày một do tuần. Kế đó là lớp lúa *Sāri* đỏ (*Rattasālivana*), ở đây toàn là lúa *Sāli* đỏ này cách lớp sen tạp sắc (*Khuddakagacchavana*), ở đây toàn những thứ hoa lạ đẹp chuyên sống dưới nước và gồm

đủ màu sắc. Lớp thủy hoa tạp sắc ấy cũng dày một do tuần. Nói tóm lại, tất cả các lớp hoa từ giữa hồ chỉ đến bờ đều dày một do tuần và cũng đều mọc cách nhau một do tuần.

Chung quanh bờ hồ *Chaddanta* có rất nhiều cây trái, chúng cũng mọc thành từng lớp bao quanh hồ. Trước hết là một vòng đai toàn những bí rợ, giống bí rợ ở đây rất to lớn. Kế đến là một rừng mía ngút ngàn, mỗi cây mía to bằng một thân cây lớn. Lớp thứ ba là rừng chuối, mỗi trái chuối to bằng chiếc ngà voi lớp thứ tư là rừng mít mỗi trái to bằng cái lu. Lớp thứ năm là rừng xoài, lớp thứ sáu là me, lớp thứ bảy là rừng táo. Mỗi lớp rừng đó đều mọc cách nhau đều đặn, càng lúc càng xa dần bờ hồ và rừng nào thì trái nấy chứ không mọc lẫn lộn. Đến lớp rừng thứ tám thì tất cả cây trái vừa kể đều mọc chung nhau, chính vì thế lớp rừng này gọi là rừng *Vomissakavana* (tạp lâm). Hết lớp tạp lâm, thì tới rừng tre dày đặc, rừng tre này mọc khít nhau đến mức một con rắn muốn bò vào cũng khó khăn. Hết rừng tre này thì có bảy ngọn núi bao bọc chung quanh toàn bộ các khu vực vừa kể trên. Ngọn núi thứ nhất tên là *Cullkāḷa*, cao một do tuần, ngọn núi thứ hai tên là *Mahakāḷa* cao một do tuần, ngọn núi thứ ba tên là *Udakapassa* cao ba do tuần. Ngọn núi thứ tư tên *Candapassa* cao bốn do tuần, ngọn núi thứ năm tên *Suriya* cao năm do tuần, ngọn núi thứ sáu *Maṇipassa* cao sáu do tuần, ngọn núi thứ bảy tên *Suvaṇṇapappata* cao bảy do tuần.

Ở góc đông bắc của hồ *Chaddanta* có một cây đa to lớn, chỉ riêng chu vi thân cây đã là năm do tuần và chỉ cao bảy do tuần thôi rồi từ đó mọc ra bốn nhánh lớn chia ra bốn hướng, mỗi nhánh cây dài khoảng sáu do tuần, đọt cây cao nhất là mười ba do tuần. Nghĩa là phần thân cây chỉ cao bảy do tuần, phần còn lại là các cành nhánh phía trên, do đó từ gốc cây lên tới ngọn mới là mười ba do tuần. Cây đa này rất đẹp nhìn chung chung nó đẹp như ngọn núi *Maṇipabbata*.

Còn hồ *Mandīhinī* thì rộng khoảng 25 do tuần, trên bờ hồ có nhiều bậc thang bằng vàng; hay bạc để lên xuống. Nước hồ rất tinh khiết và trong suốt như màu ngọc. Trong bờ trở ra chừng “một cái lưng của con voi” có một đám hoa sen màu trắng mọc thành vòng tròn. Búp sen ở đây to bằng cán cây và củ sen thì to bằng cái trống trận. Trong mỗi cọng sen đều có chứa khoảng một lít sữa, nên cọng sen nào cũng có màu trắng. Tới khi sen nở, nhụy của nó được gió thổi, rớt xuống các lá sen gần đó và chỉ cần vài giọt nước trộn vào, có thêm tí nắng mặt trời, chúng sẽ trở thành những viên nhỏ màu đỏ ngọt như mật ong. Người ta gọi đó là mật sen (*Pokkharamadhu*). Qua khỏi lớp sen trắng thì tới lớp sen hồng, rồi lớp sừng đỏ, sừng trắng.

Trên bờ hồ *Maṇḍākinī* lại có một rừng mía mọc bao quanh, cây mía nào cũng to như một thân cây lớn. Loài voi rừng ở đây thường đến ăn mía và khi có Đức Phật Toàn Giác, Độc Giác hay vị La Hán nào vào đây, chúng cũng lấy mía trong khu rừng này dâng cúng các Ngài. Nước của giống mía rừng này có màu trắng như sữa, dĩ nhiên rất

ngon. Hết rừng mía thì đến rừng chuối. Chuối ở đây cũng rất lớn trái. Người ăn nhiều nhất cũng chỉ ăn được hai trái thôi. Kế tiếp rừng chuối là rừng mít, trái nào cũng to bằng cái lu cá. Hết rừng mía thì lại đến rừng xoài, rừng táo. Nói chung trong khu vực đại hồ *Maṇḍākinī* không thiếu một thứ bông hoa cây trái nào.

Núi rừng Hy Mã có rất nhiều thú vật, nhưng đáng kể nhất phải nói là loài sư tử *Kesara* và giống chim Ca Lăng Tần Già (*karavīka*).

Sư tử *kesara* có hình dáng rất đẹp, màu lông óng ánh như xa cừ, trên lưng có ba lần sọc xoắn vào nhau, miệng đỏ như son. Loài sư tử này chỉ sống trong các hang động bằng bạc, bằng vàng hạt bằng ngọc. Mỗi lần bước ra khỏi hang, thì chúng chùn chân vươn mình để thao tác oai nghi rồi hắt hơi. Tiếng hắt hơi của loài sư tử *kesara* vang rền như tiếng sét, chúng hắt hơi để rũ bụi trên lông cho sạch. Sau khi thân mình đã hết bụi bặm, chúng găm lên ba lần. Nghe tiếng găm này, tất cả các loài phi cầm thú kinh khiếp sợ hãi, con nào cũng vội tìm chỗ ẩn núp. Được biết rằng chỉ có bốn hạng chúng sanh, không khiếp sợ trước tiếng găm của loài sư tử *kesara* đó là các con voi thuần chủng (*Ajāneyya*), ngựa thuần chủng (*Ajāneyya*), bò thuần chủng, người thuần chủng, và bậc lậu tận. Còn loài sư tử *kesara* thì cũng không khiếp sợ tiếng găm của nhau vì chúng thuộc đồng loại. Các loài thú và người thuần chủng không sợ là vì chúng có thân kiến (*sakkāyadiṭṭhī*) quá mãnh liệt nghĩ rằng mình là con nòi chánh tông, nhờ vậy xem thường tiếng găm của sư tử. Riêng về các bậc lậu tận

(ở đây chỉ cho A-na-hàm, A-la-hán) sờ dĩ không sợ vì đã không còn thân kiến như các loài chúng sanh phàm phu.

Sức nhảy xa của loài sư tử *kesara* cũng thật đặc biệt, chúng có thể nhảy xa đến hàng trăm thước nếu đứng trên gò cao. Còn nếu đứng dưới đất bằng thì cũng nhảy xa hàng chục thước. Loài sư tử *kesara* được xem là chúa tể của các loài sư tử khác.

Nói về loài chim Ca Lăng Tần Già (*karavīka*) thì được ghi nhận là một giống phi cầm có nhiều uy lực. Tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già vô cùng lạnh lốt và hấp dẫn. Chỉ cần nghe loài chim này cất tiếng, từ các giống mãnh thú hung hăng nhất cho đến các hàng sanh nhỏ bé cũng đều ngớ ngẩn, đê mê, mất chánh niệm. Loài thú lớn đang rượt bắt con mồi cũng phải đứng lại để nghe chim Ca Lăng Tần Già hót, loài thú nhỏ đang bị rượt đuổi mà nghe tiếng chim Ca Lăng Tần Già hót thì cũng không còn thấy sợ hãi gì nữa, tất cả đều đứng yên thưởng thức. Cả loài thủy tộc cũng lơ dờ khi một con chim Ca Lăng Tần Già nào đó cất tiếng hót. Điểm đặc biệt của loài chim này là phải ăn trái xoài trước khi hót, nếu không có trái xoài thì không chịu cất tiếng hót.

Trong Hy Mã còn có một cội cây trâm rất cao lớn. Chu vi của thân cây là 15 do tuần. Từ gốc lên đến ngọn là 100 do tuần. Nếu tính từ gốc lên đến chỗ tẻ nhánh là 50 do tuần. Phía dưới thân cây trâm này là một dòng sông lớn tên *Jambunadī*. Trái cây trâm này rất ngon, có mùi vị như mật ong nên các loài chim chóc thường tới để ăn. Tương truyền rằng những trái trâm nào rơi xuống dòng sông

Jambunadī rồi thì đều trở thành vàng và đều bị nước cuốn ra đại dương. Thứ vàng đó được gọi là vàng *Jambunuda*. Cây trâm vừa đề cập này giờ chính là cội cây lớn nhất, sống lâu nhất, có nhiều đặc điểm nhất ở địa cầu chúng ta chính vì thế địa cầu chúng ta được gọi là đại châu *Jambu* (đại châu cây trâm). Tuổi thọ của cội cây trâm kéo dài cả đại kiếp, tức là tương đương với cây *Pāṭali* của loài A-tu-la, cây *Simbalī* của loài Kim Xí Điều cây *Pārucchattaka* của Chư Thiên Đạo Lợi, cây *Kadamba* của Tây Ngưu Xa Châu, cây *Kapparukkha* của Bắc Cưu Lư Châu, cây *Sirisaka* của Đông Thắng Thần Châu.

Lại nữa trong rừng Hy Mã ngay tại khu vực tiếp giáp với ngọn núi *Taṇhāvaddhana* có một khu rừng tên là rừng *Makkhali*. Trong rừng này toàn là cây *Makkhali* không thôi. Trái *Makkhali* có hình dạng như một thiếu nữ xinh đẹp và phải trải qua 4-5 tháng mới hư. Mỗi mùa cây *Makkhali* ra quả như vậy, các tay thầy bùa núi rừng Hy Mã đều tìm đến để hưởng thụ khoái lạc nhục cảm với trái cây *Makkhali* và sau mỗi bận như thế họ phải bắt tinh (*visaññī*) suốt bốn tháng trời mới tinh dậy.

Những gì đã được trình bày từ phần đầu tác phẩm cho đến phần vừa kết thúc đều trích dịch từ các tài liệu sau đây:

- *Sattasuriyasutta* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Therāpadāna* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Udāna* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Mahāniddeśa* (cả chánh tạng lẫn chú giải)

- *Samyuttanikāya* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Nemirājajātaka* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Suttantamahāvagga* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Samantapāsādikā-atthakathā*
- *Atthasālinī-atthakathā*
- *Sammohavinodanī-atthakathā*
- *Suttanipāta-atthakathā*
- *Majjhimaṇṇāsa-atthakathā*
- *Upariṇṇāsa-atthakathā*
- *Sāratthadīpanīṭikā*
- *Aṅguttaraṭīkā*
- *Visuddhimaggamahāṭīkā*.